

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKX1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 122167321401 - T@ ch ãnh doanh nghi p x^a y H c km : HK02
d ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
1	3572021055	35CKX1	ñ ng V ã	Bình	09/08/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
2	3572020584	35CKX1	Nguy n Qu c	Bình	25/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3572021284	35CKX1	Nguy n H u	C m	01/03/1990				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
4	3572021820	35CKX1	L² Th Th ãh	Công	15/07/1987				7.0	7.0		7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
5	3572021383	35CKX1	Th ã ã c	C ng	12/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3572021069	35CKX1	L² Th Kim	Chung	18/05/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
7	3572021042	35CKX1	Ph m Th B ch	Di p	12/12/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
8	3572021528	35CKX1	ñ Th Th ãy	Dung	01/08/1992				8.0	9.0		8.5	2.6	6.5	4.6	7.1	
9	3572021106	35CKX1	Nguy n V ã	Duy	10/09/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	8.8	6.2	8.6	
10	3572021782	35CKX1	Tr n M nh	Duy	20/06/1992				5.0	6.0		5.5	1.7	1.5	1.1	2.7	
11	3572021094	35CKX1	Nguy n Th M	Duyên	19/02/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	6.8	4.8	7.0	
12	3572021116	35CKX1	ñ T n	ñ t	20/09/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
13	3572021093	35CKX1	Ph m Th Ngª n	ñ nh	18/08/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	6.8	4.8	7.0	
14	3572020558	35CKX1	Nguy n Tr ch	ñ ng	04/12/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	
15	3572020282	35CKX1	Ph m H ng	ñ c	07/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
16	3572021104	35CKX1	Phan ã ãh	Hà	26/08/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
17	3572021039	35CKX1	Nguy n Th Thanh	H ng	16/05/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
18	3572020631	35CKX1	ñ ãh V ã	H u	15/06/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
19	3572021836	35CKX1	NGUY N TRUNG	HI U	11/06/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKX1 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167321401 - T ầ ch ầnh doanh nghi p x ầ y H c km : HK02
đ ng

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N		NG ầ Y SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572021661	35CKX1	Ph m Huy	H ầ u	19/02/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	3.3	2.3	4.6	
21	3572021121	35CKX1	Nguy n Th	Ho ầ ng	12/09/1991				7.0	8.0		7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
22	3572021118	35CKX1	Nguy n Tr ng	Ho ầ ng	30/01/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
23	3572021058	35CKX1	ấ ng Th Ng c	Hu	14/12/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
24	3572020627	35CKX1	ấ u V ầ	H ầ ng	08/08/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
25	3572021041	35CKX1	Nguy n V ầ	H ầ ng	09/10/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
26	3572021109	35CKX1	Ph m Thanh	H ầ ng	13/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3572021046	35CKX1	Ph m Qu c	H ng	24/12/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
28	3572021205	35CKX1	ấ ầ Ng c	Ki ầ n	11/11/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	1.5	1.1	3.3	N HP
29	3572021070	35CKX1	Nguy n Thu ầ	Ki u	01/08/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	8.3	5.8	8.4	
30	3572021052	35CKX1	Phan H ng	Kha	06/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
31	3572021048	35CKX1	Qu ầ ch Anh	Khoa	14/05/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	3.8	2.7	4.6	
32	3572021101	35CKX1	Nguy n Th	L ầ i	25/09/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	6.3	4.4	6.7	
33	3572021064	35CKX1	L ầ V ầ	L ầ m	25/12/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
34	3572021647	35CKX1	L ầ Bá	Linh	20/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
35	3572021060	35CKX1	Tr n Th	Linh	24/09/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
36	3572021056	35CKX1	Nguy n Th Thu	Loan	02/02/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
37	3572020583	35CKX1	Tr n ầ c	Long	07/06/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
38	3572021074	35CKX1	Nguy n Ng c Minh	Lu ầ n	10/07/1990				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c :
H ãT :

L p h c : 35CKX1
H c ph n : 122167321401 - T@ chñh doanh nghi p x^a y
đ ng

NÑm h c : 2012-2013
H c km : HK02

ñ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572021454	35CKX1	V½T ng	Luy n	02/11/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
40	3572021061	35CKX1	Danh ã c	M nh	06/02/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
41	3572021091	35CKX1	Bi n Tri u	Minh	26/04/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
42	3572021598	35CKX1	Nguy n Th	Minh	06/01/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
43	3572021568	35CKX1	V½Th Thanh	Nhã	14/09/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
44	3572020602	35CKX1	Nguy n Nghã	Nhân	16/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	
45	3572021111	35CKX1	Huunnh Minh	Nh t	09/02/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	0.5	0.4	2.2	
46	3572021053	35CKX1	Huunnh VÑh	Phi	14/10/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
47	3572021706	35CKX1	L u Th Huunnh Nh	Ph ng	23/03/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	
48	3572021043	35CKX1	Kh ng Minh	Quân	26/12/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
49	3572021067	35CKX1	Lê Công	Sinh	01/01/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
50	3572021078	35CKX1	Tr ng Ng c	S n	17/08/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
51	3572021038	35CKX1	H Trung	Tài	10/03/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	
52	3572021044	35CKX1	Ph m VÑh	Tài	01/03/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	N HP
53	3572021103	35CKX1	Nguy n Linh	Tân	28/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
54	3572021821	35CKX1	H©Ki u	Tiên	10/06/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	4.3	3.0	5.6	
55	3572021049	35CKX1	Ho©ng VÑh	Ti n	18/02/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
56	3572021112	35CKX1	Huunnh Quang	Tín	26/10/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
57	3572021428	35CKX1	Huunnh T ^a n	Tuy n	24/08/1986				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKX1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167321401 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p x ấ y H c km : HK02
đ ng

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572021036	35CKX1	Ph m Thanh	Tùng	22/09/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	4.3	3.0	5.3	
59	3572021220	35CKX1	Nguy n Thu	Thanh	06/09/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
60	3572021799	35CKX1	Tr n ấ nh	Thành	29/12/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
61	3572021035	35CKX1	Nguy n Ng c	Th nh	19/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
62	3572021194	35CKX1	Hu nh V ấ	Thiên	05/09/1990				7.0	6.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	
63	3572021213	35CKX1	Tr n Xu ấ n	Thi n	23/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	2.8	2.0	2.0	
64	3572020620	35CKX1	Tr n Quang	Thu n	22/04/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
65	3572021085	35CKX1	Tr ng Ho ấ	Th ng	29/10/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	1.8	1.3	3.1	
66	3572021336	35CKX1	ấ inh Th Th ấ y	Trang	05/03/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
67	3572021108	35CKX1	Ph m Th H ấ	Trang	27/03/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
68	3572021037	35CKX1	Lê Quang	Trung	09/02/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	4.0	2.8	5.4	
69	3572021040	35CKX1	ấ ng Ph ng	Trúc	27/09/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	6.8	4.8	7.5	
70	3572020540	35CKX1	Đi p T n	Vinh	10/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
71	3572021100	35CKX1	Nguy n Th ấ nh	V ấ nh	01/01/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	6.3	4.4	6.7	
72	3572021149	35CKX1	Nguy n Th H ng	V ấ nh	14/03/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
73	3572021088	35CKX1	T ng ấ c	Xuân	21/03/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	
74	3572020547	35CKX1	Phan H i	Y n	25/05/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
75	3572021113	35CKX1	Tr n Qu c	Ý	30/03/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	4.8	3.4	5.6	

T ñg s : 75 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa